

朝陽科技大學外國學生入學申請表
ĐƠN XIN NHẬP HỌC
Dành cho Sinh viên Quốc tế
Đại học khoa học kỹ thuật Triều Dương

請貼上最近 2 吋照片
 Dán 02 ảnh chụp
 trong thời gian gần
 đây (size:3×4)

1. 申請人資料：Thông tin cá nhân của người làm đơn xin nhập học

姓名 Họ và Tên	中文 (Tên tiếng trung)	出生日期 Ngày tháng năm sinh	____/____/____ (Tháng) (Ngày) (Năm)	
	英文 (Tên tiếng anh) _____ (Tên) (Tên đệm) (Họ)	性別 Giới tính	<input type="checkbox"/> 男 Nam <input type="checkbox"/> 女 Nữ	
地址 Địa chỉ			電話 Điện thoại	
現在通訊處 Địa chỉ liên lạc hiện nay			手機 Điện thoại di động	
			電子郵件信箱 E-mail	
出生地點 Nơi sinh		國籍 Quốc tịch	護照號碼 Số Hộ chiếu	

2. 監護人資料： : Thông tin về người giám hộ

姓名 Họ tên	中文 (Tên tiếng trung)	電話 Điện thoại	
	英文 (Tên tiếng anh) _____ (Tên) (Tên đệm) (Họ)	職業 Nghề nghiệp	
地址 Địa chỉ			與申請人關係 Mối quan hệ

3. 教育背景： Quá trình đào tạo

學歷 Các trường đã học	學校名稱 Tên trường	學校所在地 Địa chỉ của trường	學位 Học vị	畢業日期 Ngày tốt nghiệp	主修 Môn học chính	副修 Môn học phụ
中等學校 Trung học phổ thông						
學院/大學 Cao đẳng/Đại học						
研究所 Sau đại học						
其他訓練 Các chương trình đào tạo khác						

4. 擬申請就讀系所及學位： Chuyên ngành học / Học vị sau khi tốt nghiệp

系所/ Ngành học			
學位/ Học vị	<input type="checkbox"/> 正式生 Sinh viên chính thức	<input type="checkbox"/> 學士 4 年制 Hệ Cử nhân 4 năm <input type="checkbox"/> 博士 Ph.D. Tiến sỹ	<input type="checkbox"/> 碩士 Thạc sỹ <input type="checkbox"/> 雙聯學制 2+2 Liên kết đào tạo 2+2
	<input type="checkbox"/> 選讀生 Sinh viên không chính thức	<input type="checkbox"/> 學士 4 年制 Hệ Cử nhân 4 năm <input type="checkbox"/> 博士 Ph.D. Tiến sỹ	<input type="checkbox"/> 碩士 Thạc sỹ

5. 語言能力 / Năng lực ngôn ngữ

中文 / Chinese :

聽 Nghe	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
說 Nói	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
讀 Đọc	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
寫 Viết	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết

英文 / English :

聽 Nghe	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
說 Nói	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
讀 Đọc	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết
寫 Viết	<input type="checkbox"/> 優 rất tốt	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém	<input type="checkbox"/> 不會 Ko biết

6. 在本校求學期間各項費用來源 :

Nguồn cung cấp tài chính cho những chi phí khi học tập tại CYUT

<input type="checkbox"/> 臺灣獎學金 Học bổng của Đài loan	<input type="checkbox"/> 個人儲蓄 Tiết kiệm của bản thân	<input type="checkbox"/> 本校獎(助)學金 Học bổng từ trường Triều Dương CYUT
	<input type="checkbox"/> 父母供給 Bố Mẹ cung cấp	<input type="checkbox"/> 其他 Các nguồn khác (Nếu cụ thể)

7. 健康情形 Tình trạng sức khỏe

健康情形 Tình trạng sức khỏe	<input type="checkbox"/> 佳 Tốt	<input type="checkbox"/> 尚可 Khá	<input type="checkbox"/> 差 Kém
-----------------------------	--------------------------------	---------------------------------	--------------------------------

8. 繳交資料記錄表(申請人務必在檢核欄內打勾)

Danh sách kiểm tra những giấy tờ cần có (đánh dấu vào những ô tương thích)

檢核 Kiểm tra	繳交資料項目 Danh sách giấy tờ cần có	檢核 Kiểm tra	繳交資料項目 Danh sách giấy tờ cần có
	入學申請表 Đơn xin nhập học		財力證明書 Giấy chứng nhận tài chính
	護照影印本或其他國籍證明文件 Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh quốc tịch		
	最高學歷畢業證書影印本(中、英文以外之語文, 應附中文或英文譯本) Bản sao bằng tốt nghiệp ở bậc học cao nhất hiện có (Nếu ngôn ngữ không phải là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, phải kèm theo bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Trung)		最高學歷歷年成績單影印本(中、英文以外之語文, 應附中文或英文譯本) Bản sao bảng điểm ở bậc học cao nhất hiện có (Nếu ngôn ngữ không phải là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, phải kèm theo bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Trung)

本校對上述繳交文件有疑義時, 得要求學生進行至駐外館處進行驗證。

Khi nhà trường có bất cứ nghi ngờ gì đối với những giấy tờ trên, sẽ yêu cầu sinh viên tới cơ quan đại diện để xác minh.

申請大學部或研究所經錄取得分配宿舍, 校園內宿舍有4或8人房, 宿舍費用4人房每學期約新台幣9,000元、8人房為6,400元。

Sinh viên sau khi nhập học sẽ được phân phòng ký túc xá, ký túc xá của nhà trường thường có 4 hoặc 8 người / phòng, loại 4 người / phòng / học kỳ là 9,000 đài tệ, 8 người / phòng / học kỳ là 6,400 đài tệ.

申請人簽名 / Người làm đơn ký: _____ 日期 / Ngày tháng: _____

◎◎◎ 切 結 書 BẢN CAM KẾT ◎◎◎

一、本人保證不具僑生身分且未曾以「僑生回國就學及輔導辦法」申請入學中華民國國內之其他大學院校。

Bản thân tôi là người ký tên dưới đây, xin đảm bảo rằng mình không có thân phận công dân Đài loan ở nước ngoài, chưa bao giờ sử dụng “Điều khoản dành áp dụng cho Hoa kiều về nước học tập hoặc phụ đạo” để nộp đơn xin vào học tại bất kỳ một trường đại học hay học viện nào khác của Đài loan.

二、本人保證符合本簡章第1頁之申請資格。

Tôi đảm bảo rằng mình phù hợp với điều kiện của đơn xin nhập học này.

三、本人所提供之最高學歷畢業證書（申請大學部4年制者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書）在畢業學校所在地國家合法有效取得。所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。本人在臺未以僑生身分申請其他大學院校。

Bằng cấp giáo dục cao nhất mà tôi cung cấp trên đây (Bằng tốt nghiệp trung học dành cho người xin nhập học hệ Cử nhân 4 năm, bằng tốt nghiệp cử nhân dành cho người xin nhập học hệ Thạc sỹ, và bằng tốt nghiệp Thạc sỹ dành cho người xin nhập học hệ Tiến sỹ) được ghi nhận là có giá trị và mang tính hợp pháp trong hệ thống giáo dục tại quốc gia nơi tôi đã học. Chứng chỉ bậc đào tạo của tôi cũng được ghi nhận là có giá trị tương đương với học vị tại các nhà trường của Đài loan. Ngoài ra bản thân tôi trước kia chưa từng dùng thân phận Hoa kiều để nộp đơn xin nhập học tại bất kỳ một trường Đại học hay học viện nào khác của Đài loan.

四、本人未曾因操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學。

Bản thân tôi chưa từng bị bắt cứ một nhà trường nào của Đài loan bắt buộc cho thôi học vì ý thức kém, thành tích học tập không tốt hoặc vi phạm pháp luật.

五、本人知悉於就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，需經退學處分。

Bản thân tôi hiểu rằng trong thời gian học tập tại Đài Loan, nếu thay đổi thân phận sinh viên quốc tế bằng cách đăng ký hộ tịch, thay đổi hộ tịch, nhập tịch hoặc lấy lại quốc tịch trung hoa dân quốc, Tôi sẽ bị nhà trường buộc cho thôi học.

六、上述所陳之任一事項，本人同意授權 貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實者，本人願意接受貴校註銷學籍處分，絕無異議。

Tôi đồng ý với việc trường đại học khoa học kỹ thuật Triều Dương có quyền tiến hành thẩm tra tính hợp pháp và chính xác của tất cả những giấy tờ và các điều khoản có liên quan mà tôi cung cấp. Trong trường hợp phát hiện có sự giả mạo, tôi sẵn sàng chấp nhận sự xử lý của nhà trường, kể cả việc bị buộc cho thôi học sau khi đã vào học, và hoàn toàn không có ý kiến khiếu nại nào.

申請人簽名

日期

Người làm đơn ký _____

Date _____ / _____ / _____

(tháng) (ngày) (năm)